TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC NAM** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2024/HNGĐ- ST
Ngày 16/5/2024
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Hợp.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thụ .
Ông Nguyễn Văn Chấn.
-***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Văn Sơn- Thư ký Tòa án.
-Đại diện Vện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Ông Hoàng Văn Tùng - Kiểm sát Vên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 439/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2023, về Vệc Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 17 ngày 17/4/2024, thông báo thay đổi ngày mở phiên tòa số 39 ngày 02/5/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Vương Thị H, sinh năm 1987. Có mặt.
Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1983. Vắng mặt.
Cùng địa chỉ: Thôn B, xã B, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn chị Vương Thị H trình bày: Chị H kết hôn với anh Nguyễn Văn T tháng 6/2012, trước khi cưới có tìm hiểu thoả thuận và có Đ ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Lục Nam. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống với nhau ngay, có thời gian hòa thuận nay có 02 con chung. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T nghi ngờ chị có quan hệ trai gái bên ngoài nên hay tìm cớ ghen tuông và đánh đập chị nhiều lần. Mặt khác anh T hay chơi bời cờ bạc, rượu chè và nợ nần bên ngoài rất nhiều, có những lần con nợ điện thoại làm phiền chị và nhờ chị giục

anh T trả nợ, nếu không sẽ thông tin lên mạng để nói xấu gia đình chị. Chị có hỏi anh T nếu có vay thì trả người ta không để người ta làm phiền chị H nhưng anh T không trả lời. Khi anh T vay tiền để chơi bời chị không hề hay biết. Khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn đánh cãi chửi nhau gia đình có dàn xếp nhưng anh T không thay đổi tính nết, chị đã về nhà đẻ từ tháng 8/2023 đến nay. Từ khi chị về nhà đẻ anh T không đến gọi lần nào, vợ chồng chấm dứt mọi quan hệ từ khi chị về nhà đẻ đến nay. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị H đề nghị được ly hôn anh T theo quy định của pháp luật.

Con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Yến V, sinh ngày 04/12/2012 và Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 16/11/2017 nay hai con đang ở với anh T, đời sống được đảm bảo. Sau khi ly hôn chị H nhận nuôi con lớn của vợ chồng và không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Hiện nay chị H làm công nhân công ty điện tử, mức thu nhập bình quân 7.000.000 đồng/1 tháng. Với mức thu nhập như vậy chị H đảm bảo nuôi được 01 con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Tài sản, công nợ, ruộng canh tác không có vướng mắc gì, sau khi ly hôn ly hôn chị H không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh T kết hôn với chị H từ năm 2012, có Đ ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Lục Nam. Trước khi kết hôn có thời gian tìm hiểu và tự nguyện đến với nhau. Sau khi kết hôn vợ chồng cùng sống với bố mẹ anh T, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng 07 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do điều kiện kinh tế hai vợ chồng phải xa nhau đi làm kinh tế, sau khi chị H đi nước ngoài làm kinh tế thì đã xảy ra một số vấn đề về chuyện trai gái, từ đó tiếng nói chung của hai vợ chồng không còn nhưng vẫn chung sống với nhau. Thời gian vừa qua vợ chồng lại xảy ra chuyện mâu thuẫn nhưng không lớn, không làm ảnh hưởng đến gia đình và địa phương, anh T xác định tình cảm vợ chồng vẫn có thể chung sống với nhau, anh T đề nghị giải quyết hòa giải để vợ chồng về chung sống để nuôi dậy con cái. Ngoài ra anh T không trình bày gì thêm.

Tại phiên tòa chị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn anh T và nhận nuôi con lớn của vợ chồng và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa anh Tuân vắng mặt lần 2 không có lý do.

Đại diện Vện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam phát biểu ý kiến về Vệc tuân thủ pháp luật trong suốt quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử, nghị án là đúng quy định của pháp luật. Về ý kiến giải quyết vụ án đề ghị HĐXX: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 228 - Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83- Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết

326/NQ- UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vương Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Giao cho chị Vương Thị H nuôi con Nguyễn Thị Yến V, sinh ngày 04/12/2012; giao cho anh Nguyễn Văn T nuôi con Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 16/11/2017. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau,

Về tài sản, công sức, công nợ, ruộng đất: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị Vương Thị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Văn T là bị đơn trong vụ án có hộ khẩu thường trú tại thôn B, xã B, huyện Lục Nam. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang là Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa anh Nguyễn Văn T vắng mặt lần thứ 2 không có lý do, HĐXX quyết định xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại khoản 3 Điều 228 – Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Chị Vương Thị H kết hôn với anh Nguyễn Văn T trên cơ sở tự nguyện và có Đ ký kết hôn ngày 04/6/2012 tại UBND xã B, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang được xác nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị H và anh T đã có thời gian chung sống hạnh phúc, nay có 02 con chung. Theo chị H trình bày vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T nghi ngờ chị có quan hệ trai gái bên ngoài nên hay tìm cớ ghen tuông và đánh đập chị nhiều lần. Mặt khác anh T hay chơi bời cờ bạc, rượu chè và nợ nần bên ngoài rất nhiều. Khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn có đánh cãi chửi nhau, gia đình có dàn xếp nhưng anh T không thay đổi tính nết, chị đã về nhà đẻ từ tháng 7/2023 và chấm dứt mọi quan hệ cho đến nay. Từ khi chị về nhà đẻ anh T không đến gọi lần nào, nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị H đề nghị được ly hôn anh T. Theo anh T nguyên nhân mâu thuẫn là do điều kiện kinh tế hai vợ chồng phải xa nhau đi làm kinh tế, sau khi chị H đi nước ngoài làm kinh tế thì đã xảy ra một số vấn đề về chuyện trai gái, từ đó tiếng nói chung của hai vợ chồng không còn nhưng vẫn chung sống với nhau, anh T xác định tình cảm vợ chồng vẫn có thể chung sống với nhau, anh T đề nghị hòa giải để vợ chồng về chung sống để nuôi dậy con cái. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập nhiều lần để hòa giải nhưng anh T

đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải để các đương sự về đoàn tụ chung sống với nhau được. Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương thì được biết chị H và anh T chung sống với nhau có xảy ra mâu thuẫn và chị H đã về nhà đẻ, không quay lại chung sống cùng anh T nữa. Hiện nay các công dân thường gửi đơn trực tiếp đến tòa án, không qua hòa giải ở thôn và UBND xã nên địa phương không nắm rõ được mâu thuẫn của chị H và anh T. HĐXX xét thấy chị H và anh T sống ly thân nhau đã lâu, chị H không có nguyện vọng chung sống cùng anh T nữa, mặt khác anh T muốn vợ chồng chung sống nhưng không đến tòa án để hòa giải và cũng không có biện pháp nào nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng đoàn tụ. Chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã lâm và tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, vì vậy cần giải quyết cho chị Vương Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình là phù hợp pháp luật.

[3] Về con chung: Chị H và anh T có 02 con chung là Nguyễn Thị Yến V, sinh ngày 04/12/2012 và Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 16/11/2017 nay hai con đang ở với anh T, đời sống được đảm bảo. Sau khi ly hôn chị H nhận nuôi con lớn của vợ chồng và không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Tại phiên tòa chị H đề nghị được nuôi lớn, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. HĐXX xét thấy hiện tại anh chị có 02 con chung, sau khi anh chị ly hôn cháu V có nguyện vọng ở với chị H. Để đảm bảo về quyền cũng như nghĩa vụ trong Vệc chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung sau khi ly hôn, cần giao cho chị H và anh T mỗi người nuôi một con, cụ thể giao cho chị H nuôi cháu V, giao cho anh T nuôi cháu Đ là phù hợp pháp luật và phù hợp nguyện vọng của con. Chị H và anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét. Chị H và anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở chị H và anh T thực hiện quyền này.

[4] Về tài sản chung, công sức, công nợ: Chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Vương Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Đề nghị của đại diện VKS ở tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273, khoản 3 Điều 228- Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83- Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án. Xử:

(1) Quan hệ hôn nhân: Xử cho Vương Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

(2) Con chung: Giao cho chị Vương Thị H nuôi con Nguyễn Thị Yến V, sinh ngày 04/12/2012; giao cho anh Nguyễn Văn T nuôi con Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 16/11/2017. Chị H và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Chị H và anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở chị H và anh T thực hiện quyền này.

(3) Về án phí: Chị Vương Thị H phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0007952 ngày 24/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. (Xác nhận chị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm).

(4) Quyền kháng cáo: Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa được biết, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bắc Giang;
-VKSND tỉnh Bắc Giang;
-VKSND huyện Lục Nam;
-CCTHADS huyện Lục Nam;
-UBND xã B;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án;
-Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Văn Hợp